

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 12-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều.

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa:* Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương T; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm N; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương T trình bày:

Nguyên đơn ông Dương T và bị đơn ông Lâm N có hợp tác làm ăn với nhau để mua lúa, ông Dương T đưa tiền cọc lúa cho ông Lâm N số tiền là 276.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu) để bỏ cọc lúa cho các hộ dân, với số lượng 2.000 công. Sau khi ông Dương T nhận được lúa và trả tiền lúa cho các hộ dân xong các hộ dân sẽ trả lại tiền cọc, nhưng khi nhận lại tiền cọc của những hộ dân thì ông Lâm N không giao lại tiền cọc cho ông Dương T, trong khi ông Dương T

đã nhận đủ lúa và trả đủ tiền cho người dân. Ông Dương T đã nhiều lần đòi tiền ông Lâm N nhưng ông Lâm N chỉ trả cho ông Dương T được 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) cho đến nay không trả nữa. Sau đó, ông Dương T có làm đơn gửi đến công an xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng để giải quyết, tại đây ông Lâm N đến dự và thừa nhận còn nợ ông Thây tiền cọc lúa 236.000.000 đồng, đồng thời ông Nhanh hứa trả cho ông Dương T trong vòng một tháng, nhưng đến nay ông Lâm N vẫn không trả lại số tiền cọc như đã hứa tại “Tờ thoả thuận” lập ngày 23 tháng 4 năm 2023.

Nay nguyên đơn ông Dương T yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Lâm N phải có trách nhiệm trả cho ông Dương T số tiền cọc mua lúa còn nợ là 236.000.000 đồng (Hai trăm, ba mươi sáu triệu đồng).

Đối với bị đơn ông Lâm N sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho ông Nhanh nhưng ông Nhanh không có văn bản trả lời cho Tòa án. Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng ông Nhanh vẫn không tham gia. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nhanh nhưng ông Nhanh không gửi văn bản ghi ý kiến của ông Nhanh đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn ông Dương T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án, việc nguyên đơn ông Dương T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Lâm N trả số tiền đặt cọc gốc 236.000.000 đồng (Hai trăm, ba mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu bị đơn ông Lâm N trả tiền lãi. Thấy yêu cầu trên là phù hợp theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên

đơn ông Dương T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn ông Lâm N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Dương T và bị đơn ông Lâm N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Nguyên đơn ông Dương T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lâm N trả cho ông Dương T số tiền cọc 236.000.000 đồng đồng theo “Tờ thoả thuận” lập ngày 23 tháng 4 năm 2023 nên căn cứ vào Điều 328 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng đặt cọc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lâm N, có địa chỉ tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương T cung cấp bản chính “Tờ thoả thuận” lập ngày 23 tháng 4 năm 2023 có bị đơn ông Lâm N và người làm chứng là ông Danh Tuấn Kiệt cùng ký tên vào Tờ thoả thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng”* và tại khoản 2 quy định: *“Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Căn cứ theo quy định trên, số tiền cọc còn lại 236.000.000 đồng bị đơn ông Lâm N không thực hiện giao lúa cho nguyên đơn ông Dương T. Như vậy, bị đơn ông Lâm N đã từ chối việc giao kết thực hiện hợp đồng, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương T là có căn cứ.

Từ những cơ sở trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương T buộc bị đơn ông Lâm N trả số tiền cọc 236.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về phạt cọc: Do Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu phạt cọc do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu của nguyên đơn ông Dương T được chấp nhận nên không phải chịu án phí; Bị đơn ông Lâm N phải chịu án phí là 11.800.000 đồng (Mười một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 235; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 328, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương T.

Buộc bị đơn ông Lâm N trả cho nguyên đơn ông Dương Thấy số tiền đặt cọc 236.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn ông Dương T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Lâm N chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn ông Lâm N còn phải trả lãi cho nguyên đơn ông Dương T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Dương T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Dương T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.900.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003511 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Lâm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.800.000 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực

hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

